

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND  
ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1935/STNMT-ĐGD ngày 29 tháng 6 năm 2016 và Tờ trình số 662/TTr-STNMT ngày 15 tháng 3 năm 2016.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 tháng 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, như sau:

**1.** Sửa đổi, bổ sung Điều 3:

“ Điều 3. Ủy quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong các trường hợp sau:

1. Đối với các dự án thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

2. Đối với các dự án Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước thời điểm Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực nay có điều chỉnh, bổ sung (áp dụng cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân)”.

**2.** Bổ sung Điều 6a: Thu hồi đất đối với trường hợp diện tích sau khi thu hồi không đủ tiêu chuẩn xây dựng.

1. Đối với đất ở và các loại đất khác (đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp) nếu diện tích đất còn lại sau khi thu hồi không đủ tiêu chuẩn xây dựng hiện hành (không hợp được với thửa đất khác cùng chủ sử dụng, khi được chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở) thì thu hồi hết diện tích và bồi thường theo đúng quy định.

2. Chi phí bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích này được tính trong kinh phí bồi thường, hỗ trợ của dự án.

**3.** Sửa đổi, bổ sung Điều 10:

“Điều 10. Hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt, công trình xây dựng không phải là nhà ở (thuộc trường hợp phải xin phép xây dựng theo Luật Xây dựng) mà không có đầy đủ các giấy tờ theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Việc hỗ trợ đối với nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt và công trình khác không phải là nhà ở của hộ gia đình, cá nhân thực hiện như sau:

1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt và công trình xây dựng không phải là nhà ở của hộ gia đình, cá nhân xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất, tùy theo thời điểm xây dựng, được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt, công trình xây dựng không phải là nhà ở trước 15 tháng 10 năm 1993 vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cấm mốc giới nhưng được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

b) Hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt, công trình xây dựng không phải là nhà ở từ 15 tháng 10 năm 1993 đến trước 01 tháng 7 năm 2004 mà vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cấm mốc giới nhưng được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

c) Hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt, công trình xây dựng không phải là nhà ở từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày công bố quy hoạch thực hiện dự án mà vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cấm mốc giới nhưng được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

d) Nhà, công trình không hợp pháp được tạo lập kể từ ngày công bố quy hoạch dự án trở về sau không được hỗ trợ.

2. Hỗ trợ nhà ở, các công trình sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất.

a) Đối với nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường, xây dựng với nhu cầu để ở thật sự không đối phó quy hoạch, không có văn bản xử phạt, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền:

- Xây dựng trên đất ở: Hỗ trợ 100% giá trị bồi thường.
- Xây dựng trên đất nông nghiệp: Hỗ trợ 80% giá trị bồi thường.

b) Đối với nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường, xây dựng với nhu cầu để ở thật sự, không đối phó quy hoạch, có văn bản xử phạt, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền:

- Có văn bản xử phạt nhưng không buộc tháo dỡ: Hỗ trợ 70% giá trị bồi thường.
- Có văn bản xử phạt, buộc tháo dỡ khôi phục hiện trạng nhưng công trình vẫn tồn tại đến thời điểm thực hiện dự án: Hỗ trợ 50% giá trị bồi thường.

3. Hỗ trợ đối với công trình xây dựng không phải là nhà ở xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường.

a) Đối với công trình xây dựng không phải là nhà ở xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường, xây dựng là nhu cầu thật sự, không đối phó quy hoạch, không có văn bản xử phạt, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng trên đất đúng mục đích sử dụng: Hỗ trợ 100% giá trị bồi thường.
- Xây dựng trên đất không đúng mục đích sử dụng: Hỗ trợ 80% giá trị bồi thường.

b) Đối với công trình xây dựng không phải là nhà ở xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường, xây dựng là nhu cầu thật sự, không đối phó quy hoạch, có văn bản xử phạt, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

- Trường hợp có văn bản xử phạt nhưng không buộc tháo dỡ: Hỗ trợ 70% giá trị bồi thường.

- Trường hợp có văn bản buộc tháo dỡ, khôi phục hiện trạng ban đầu nhưng đến nay công trình còn tồn tại: Hỗ trợ 50% giá trị bồi thường.

4. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt, công trình xây dựng không phải là nhà ở (thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng theo Luật Xây dựng) xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau, mà không có đầy đủ các giấy tờ theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì không được bồi thường, hỗ trợ.

#### 4. Sửa đổi Khoản 2, Điều 12:

"2. Trường hợp gia đình tự lo đất di chuyển mồ mã thì ngoài phần bồi thường di chuyển theo Khoản 1, Điều này, hộ gia đình được hỗ trợ tiền mua đất xây mộ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/mộ."

#### 5. Sửa đổi Điểm a, Khoản 1, Điều 16:

"a) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP: Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận, huyện căn cứ điều kiện của từng dự án phê duyệt mức hỗ trợ, cụ thể như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp quận phê duyệt mức hỗ trợ không quá 1,5 (Một phẩy năm) lần.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt mức hỗ trợ không quá 02 (Hai) lần".

Đối với trường hợp mức hỗ trợ cao hơn quy định nêu trên, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án báo cáo cụ thể để Hội đồng thẩm định thành phố đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

#### 6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 5, Điều 18:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 18 như sau:

"2. Hỗ trợ thuê nhà, địa điểm di chuyển tạm cư:

Người bị thu hồi nhà ở, phải di chuyển chỗ ở thuộc trường hợp được bố trí tái định cư hoặc bán nền tái định cư (trừ các đối tượng theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 19 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND đã được bổ sung tại Quyết định này), mà không còn chỗ ở nào khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư) được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở, mức hỗ trợ cụ thể:

a) Khu vực 1 (quận Ninh Kiều):

- Hộ có nhân khẩu từ 4 người trở xuống: 2.000.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 5 đến 8 người: 2.500.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 9 người trở lên: 3.000.000 đồng/hộ/tháng.

b) Khu vực 2 (gồm các quận: Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn và Thốt Nốt):

- Hộ có nhân khẩu từ 4 người trở xuống: 1.700.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 5 đến 8 người: 2.200.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 9 người trở lên: 2.700.000 đồng/hộ/tháng.

c) Khu vực 3 (các huyện):

- Hộ có nhân khẩu từ 4 người trở xuống: 1.400.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 5 đến 8 người: 1.700.000 đồng/hộ/tháng.

- Hộ có nhân khẩu từ 9 người trở lên: 2.200.000 đồng/hộ/tháng.

Thời gian hỗ trợ tính từ khi bàn giao mặt bằng đến khi có thông báo nhận đất tái định cư cộng thêm 03 tháng để xây nhà.

d) Hộ gia đình, cá nhân có công trình là nhà ở bị ảnh hưởng từ 30% diện tích xây dựng trở lên khi Nhà nước thu hồi đất, trong thời gian sửa chữa khắc phục phần diện tích còn lại, thì được hỗ trợ tiền thuê nhà tối đa 03 tháng, mức hỗ trợ theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản 2, Điều 18 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND đã được sửa đổi tại Quyết định này.”

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 5, Điều 18 như sau:

“5. Hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, buôn bán nhỏ bị ảnh hưởng dự án:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, buôn bán nhỏ có nộp thuế môn bài:

- Nếu bị thu hồi toàn bộ nhà, đất, mặt bằng kinh doanh được hỗ trợ 5.000.000 đồng/trường hợp.

- Nếu bị thu hồi một phần nhà, đất, mặt bằng kinh doanh phải sửa chữa được hỗ trợ 4.000.000 đồng/trường hợp.

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, buôn bán nhỏ không nộp thuế môn bài:

- Nếu bị thu hồi toàn bộ nhà, đất, mặt bằng kinh doanh được hỗ trợ 3.000.000 đồng/trường hợp.

- Nếu bị thu hồi một phần nhà, đất, mặt bằng kinh doanh phải sửa chữa được hỗ trợ 2.000.000 đồng/trường hợp”.

7. Bổ sung Điểm c, Khoản 1, Điều 19:

c) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở, không có nhà ở trên đất, không phải di chuyển chỗ ở, không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi thực hiện dự án nếu có nhu cầu nền tái định cư, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án căn cứ quỹ đất tái định cư của quận, huyện đang quản lý (phải đảm bảo có quỹ nền tái định cư sau khi xét bán) xem xét bán 01 nền tái định cư với diện tích tối thiểu (60m<sup>2</sup>) trong các trường hợp sau:

- Diện tích đất ở bị thu hồi toàn bộ và lớn hơn tiêu chuẩn xây dựng theo quy định.

- Diện tích đất ở bị thu hồi từ 75% trở lên.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 23:

“1. Khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định này, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc trường hợp được bố trí tái định cư mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng suất đầu tư hạ tầng đối với phần diện tích được bố trí tái định cư nhưng tối đa không vượt quá 150m<sup>2</sup> tính cho một hộ gia đình tại khu tái định cư tập trung, trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư quy định tại Khoản 2, Điều 22 của Quy định này, cụ thể như sau:

a) Quận: Ninh Kiều; Bình Thủy; Cái Răng: 1.700.000 đồng/m<sup>2</sup>.

b) Quận: Thốt Nốt, Ô Môn; huyện Phong Điền: 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup>.

c) Huyện: Vĩnh Thạnh, Thới Lai, Cờ Đỏ: 1.200.000 đồng/m<sup>2</sup>.

2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, phải di chuyển chỗ ở được xét mua nền tái định cư mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng 50% suất đầu tư hạ tầng đối với phần diện tích được xét mua nền tái định cư, cụ thể như sau:

a) Quận: Ninh Kiều; Bình Thủy; Cái Răng: 850.000 đồng/m<sup>2</sup>.

b) Quận Thốt Nốt; Ô Môn; huyện Phong Điền: 750.000 đồng/m<sup>2</sup>.

c) Huyện Vĩnh Thạnh; Thới Lai; Cờ Đỏ: 600.000 đồng/m<sup>2</sup>.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân được xét mua nền tái định cư theo Điểm c, Khoản 1, Điều 19 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND đã được bổ sung tại Quyết định này, nếu không nhận nền tái định cư thì không được xét hỗ trợ tự lo tái định cư theo Khoản 1 và Khoản 2, Điều 23 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND đã được sửa đổi tại Quyết định này.”

**Điều 2.** Các dự án được phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2016.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Võ Thành Thống**